



TP. Tây Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty CPXD và VLXD Hới Ngộ
Địa chỉ: 98M CMT8, P. Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh
Số điện thoại: 0888.793.839 - Anh Tuấn

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Dây điện 2.5		Cuộn		(Kéo bao		690.000đ
	" 6.0		"		gồm		1.550.000đ
	" 1.5		"		(PVC)		430.000đ
	Ruột ga 20		"		"		125.000đ
	Cát xây		m ³		"	(Phê hòa	400.000đ
	Cát long		"		"	lời)	250.000đ
	Đá 1x2		"		"	"	370.000đ
	" 4x6		"		"	"	335.000đ
	" 0x4		"		"	"	295.000đ
	Xi măng Fico	PCB 40	Bao		"		90.000đ
	Thép Ø 6	Việt Nhật	Kg		"		17.000đ
	" Ø 8	"	"		"		17.000đ



TP. Tây Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: DNTN Lầu Chí Khương

Địa chỉ: 653 CMT8, KP2, P3, TP. Tây Ninh

Số điện thoại: 0986.099.997

DNTN LẦU CHÍ KHƯƠNG
MST: 3900492134
653 CMT8, KP2, P3, TP. Tây Ninh

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cát xây tô		m ³		(Gồm		390.000đ
	Đá 1x2		"		CPVC		400.000đ
	" 4x6		"		trong		360.000đ
	" 0x4		"		TP)		340.000đ
	Thép $\phi 6 - \phi 8$	Việt Nam	Kg		"		16.000đ
	$\phi 12$	"	Cây		"		112.000đ
	$\phi 14$	"	"		"		214.000đ
	$\phi 16$	"	"		"		290.000đ
	$\phi 18$	"	"		"		357.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		"		950đ
	" 2 lỗ		"		"		950đ
	" Mi		"		"		470đ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM

TP. Quy Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Công ty TNHH Đông Thuận
- Địa chỉ: 124 Nguyễn Thái Học, KP4, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0965.244.773 - Anh Ph
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Tây Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố.....Tây Ninh.....
2. Khu vực khảo sát:TP. Tây Ninh.....
3. Kỳ khảo sát:Tháng 12 / 2024.....
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng:Tiệm điện sắt Huỳnh Hằng.....
Địa chỉ:684 Đường 30/4, P. Minh Sơn, TP. Tây Ninh.....
Số điện thoại:0984. 686. 652.....
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	<u>Que hàn</u>		<u>hộp</u>		<u>(Giá</u>		<u>73.000đ</u>
	<u>" 3,2 ly</u>		<u>"</u>		<u>bán tại</u>		<u>145.000đ</u>
	<u>Keo AB</u>		<u>"</u>		<u>CH)</u>		<u>32.000đ</u>
	<u>" dán ống</u>		<u>"</u>		<u>"</u>		<u>73.000đ</u>
	<u>Ống PVC Ø 21</u>	<u>(Bình</u>	<u>Cây</u>		<u>"</u>		<u>33.000đ</u>
	<u>Ø 27</u>	<u>Minh</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>43.000đ</u>
	<u>Ø 34</u>	<u>Thái)</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>62.000đ</u>
	<u>Ø 42</u>	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>84.000đ</u>
	<u>Ø 49</u>	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>103.000đ</u>
	<u>Ø 60</u>	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>115.000đ</u>
	<u>Ø 90</u>	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>240.000đ</u>
	<u>Ø 114</u>	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>		<u>360.000đ</u>

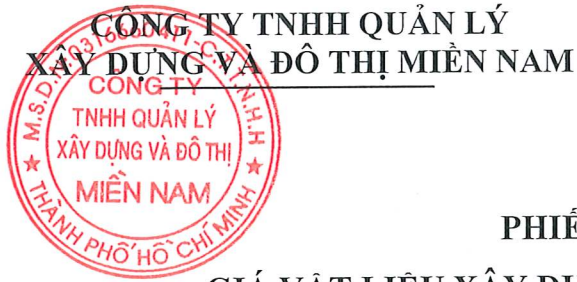
Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ốc vđ		Kg		"		52.000đ
	loại 21		Cái		"		3.500đ
	27		"		"		5.000đ
	34		"		"		7.000đ
	42		"		"		9.000đ
	49		"		"		14.000đ
	60		"		"		11.000đ
	90		"		"		24.000đ
	114		"		"		43.000đ
	Có 21		"		"		3.500đ
	27		"		"		5.000đ
	34		"		"		7.000đ
	42		"		"		11.000đ
	49		"		"		16.000đ
	60		"		"		22.000đ
	90		"		"		25.000đ
	114		"		"		54.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

TIỆM ĐIỆN SẮT HUỖNH HẰNG
684 Đường 30/4, P.Ninh Sơn, TP.Tây Ninh
ĐT: 0934.686.652 - 0917.603.551
MST: 3900407442



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TX Hòa Thành ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TX Hòa Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa Hàng Hoàng Dung
Địa chỉ: 18 Đường số 12, Hiệp Hòa, Hiệp Tân, Tây Ninh
Số điện thoại: 0934.464.864 - Anh Dung
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Sơn trắng nhà tô phủ cao Kova Visk	16 lít			(V/chuyên		1622.727 ⁺
	4	4	3.5 lít		trần trần)		523.636 ⁺
	Sơn trắng nhà tô phủ cao Kova K-5500	16 lít			1		4387.273 ⁺
	cao, màu sơn mịn để chùi rửa	1	3.5 lít		4		980.000 ⁺
	Sơn lót Kova chống kiềm bụi nhà	16 lít			4		2236.364 ⁺
	4	4	3.5 lít		4		532.727 ⁺
	Chất kết Kova	Ngôi hèn	Bao		4		527.273 ⁺
	4	Tray nhựa	Bao				401.818 ⁺



TX Hòa Thành, ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TX. Hòa Thành

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Trung Tâm Phá Mầu Thảo Minh

Địa chỉ: 148 Phạm Hùng, KP Long Chi, P Long Thành Trung, TX. Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh

Số điện thoại: 0979 530 489



5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Vật tư ngành nước						
	Bồn cầu 1 khúc	LL101	Cái		(Chai bán		4320.000đ
	Lava bo đế bồn bồn	LL401-46T	✓		tại cửa		1760.000đ
	Bồn tiểu nam	LL1046	✓		hàng)		3780.000đ
	Bồn nước đứng 10m ³		✓		✓		4.500.000đ
	Bồn nước ngang 10m ³		✓		✓		4.909.091đ
	Nhôm, Kính:						
	Cửa đi nhôm Kame	Malaysia			(Hả bao		2850.000đ
	✓ Xingfa	Quảng Hùng			gồm chi		2.200.000đ
	Cửa nhôm Maxpro hệ 55	Nhật Bản			phí lắp đặt)		2.000.000đ
	Cửa đi vát cạnh hệ 55	Việt Nam			✓		1.700.000đ
	Cửa nhôm hệ PMI hệ 55	Malaysia			✓		2.700.000đ



Tx. Hòa Thành ngày 16 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: Tx. Hòa Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công Ty TNHH Tôn Thép Phú Ích
- Địa chỉ: SE D3, QL22, Hiệp Đức, Xã 36 Tổ 4, Ấp 1 Tân Bình, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0909 150 679
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tôn mạ kẽm xanh dương K598		m		(Mua từ		72.727đ
	Tôn lạnh 0.85mm x 0.18mm Đại Thành		g		50 tấn		46.364đ
	Tôn lạnh 1.1mm x 0.20mm		g		miễn phí		56.364đ
	Tôn lạnh 1.1mm x 0.22mm Hòa Sơn		g		giao hàng		60.000đ
	Tôn lạnh 1.1mm x 0.22mm		g		đang phụ		67.273đ
	Tôn màu 1.07mm x 0.4mm Hòa Phát		g		trên 10Km)		90.909đ
	Tôn màu 1.07mm x 0.45mm		g				101.818đ
	Tôn màu 1.07mm x 0.45mm Phú Mỹ Nam		g				102.727đ



TX Hòa Thành, ngày 16 tháng 2 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TX. Hòa Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng:

Địa chỉ: 82 Lê Thương, Kì Lân, Huyện Kỳ Sơn, Nghệ An, Việt Nam.ĐT: 02763.631.431, TX Hòa Thành, Tây Ninh, Việt Nam.ĐT: 0272.382.222

Số điện thoại: 0919 150 098

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	gạch ốp men bóng	40X80	m ²		(V/chuyển		195.000đ
	gạch ốp đá bóng	40X80	đ		đến chân		235.000đ
	gạch ốp đá bóng - mè	30X60	đ		chính		215.000đ
	gạch ốp men bóng	30X60	đ		kính đá		140.000đ
	gạch ốp men mè	30X60	đ		bên trong)		165.000đ
	gạch lát nền đá	60X60	đ		đ		170.000đ
	gạch lát nền đá	80X80	đ		đ		230.000đ

XÂY DỰNG VÀ

CÔNG TY
TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ
MIỀN NAM

M.S.D.N. 0316684111 T.N.H.H

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GI

H. Chân Thành, ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH KS Ngọc Phát
- Địa chỉ: Ấp Phước Lợi, xã Phước Vĩnh, H. Châu Thành
- Số điện thoại: 0912.823.039 - 0914.527.146
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:
- 

[illegible]



H. Châu Thành, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH TP

Địa chỉ: Số 304, Đường 796, Ấp Tân Sơn, Xã Ninh Bình, H. Châu Thành, Tây Ninh

Số điện thoại: 09.95.11.999

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Công ty Tân Minh Lợi	Ø300					
	Vữa bê		m		(Gọi tại kho dự)		275.000đ
	H10 - Ø60		γ				290.000đ
	H30 - Ø680		γ				310.000đ
	Công ty Tân Minh Lợi	Ø400					
	Vữa bê		γ		γ		340.000đ
	H10 - Ø60		γ		γ		365.000đ
	H30 - Ø680		γ		γ		380.000đ
	Gỗ công Ø300		γ		γ		105.000đ
	γ Ø400		γ		γ		135.000đ
	γ Ø600		γ		γ		170.000đ
	γ Ø800		γ		γ		250.000đ

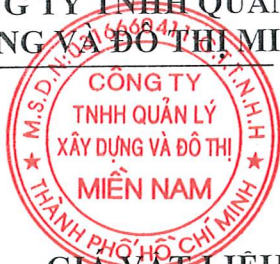
Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)



Số điện thoại:.....

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)



TT Châu Thành, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TT. Châu Thành

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Toàn Tâm

Địa chỉ: 006/07, Tổ 6, KP4, TT. Châu Thành, Tây Ninh

Số điện thoại: 0276. 379. 0099



5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2		m ³		(Giá	(Phú Quốc	380.000đ
	" 4x6		"		không	- Hùng	400.000đ
	" 0x4		"		gồm	Dung >	370.000đ
	Cốt xây		"		phí VC)		380.000đ
	" Tô		"		"		400.000đ
	Xi măng Fico PCB 40		Bao		"		87.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		(Giá gồm	(Hoàng	750đ
	" 2 lỗ		"		VC trong	Bảo Trầm)	750đ
	Ngói Nippon lớp		"		huyền)		20.000đ
	" rùa		"		"		30.000đ
	" sắp nóc		"		"		30.000đ
	" cuối nóc		"		"		402.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thép Việt - Thanh						
	Φ 6 - Φ 8		Kg		(Giá họ		17.000đ
	Φ 10		Cây		gồm phí		123.000đ
	Φ 12		"		VC)		174.000đ
	Φ 14		"		"		236.000đ
	Φ 16		"		"		389.000đ
	Thép Việt - Úc						
	Φ 6 - Φ 8		Kg		"		16.000đ
	Φ 10		Cây		"		84.000đ
	Φ 12		"		"		115.000đ
	Φ 14		"		"		148.000đ
	Φ 16		"		"		202.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ
MST: 3900 419 487
 Khu Phố 4 - TT. Châu Thành - Tây Ninh
ĐT: (0276) 3790099 - 2465999

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:.....



H. Châu Thành, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
- Khu vực khảo sát: H. Châu Thành
- Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024
- Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Hoàng Tâm
Địa chỉ: A1/22 Bình Phong, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh
Số điện thoại: 0902. 827. 175
- Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

CTY TNHH HOÀNG TÂM
A1/22 Bình Phong, Thái Bình, Châu Thành, T.
ĐT: 827813-MST: 3900377075

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cát xây tô		m ³		(VC	(Tân	360.000đ
	Cát long nền		"		trong	Châu)	250.000đ
	Đá 1x2		"		khv		400.000đ
	" 4x6		"		lân cận)		360.000đ
	" 0x4		"		"		350.000đ
	Xi măng Fico		Bao		"		90.000đ
	" Hà Tiên		"		"		92.000đ
	Gạch xây 4 lỗ		Viên		"		940đ
	" 2 lỗ		"		"		900đ
	" Mi		"		"		450đ



H. Châu Thành ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Doanh nghiệp tư nhân Tài Nhân

Địa chỉ: Tổ 1, KP3, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, Tây Ninh

Số điện thoại: 0919 488 835 - 0919 488 835

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cát xây		m ³		(Gồm	(Bến Thành	436.364đ
	" long		"		VC	diện)	290.909đ
	Đá 1x2		"		trong		363.636đ
	" 4x6		"		khử vôi)		345.455đ
	" 0x4		"		"		318.182đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		"	(Hưng	950đ
	" 2 lỗ		"		"	Bảo Trâm)	950đ
	" M ₁		"		"		475đ
	Xi măng Fico		Bao		"		90.000đ
	" Hà Tiên		"		"		90.000đ
	Gạch ốp lát Primer				"		
	Lát 50 x 50		m ²		"		120.000đ



H. Bến Cầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cầu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Trại lý sơn Thiên Long
Địa chỉ: KP3, TT. Bến Cầu, H. Bến Cầu, T. Tây Ninh
Số điện thoại: 0949.969.991 - Anh Đức
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Sơn nước Nippon Weather Guard Plus		5 lít		(Giá gộp)		2.388.182đ
	Sơn lót nền thất Matex Sealer		17 lít		V/chung		1.652.727đ
	Sơn lót nền thất Odour-less Sealer		18 lít		(hơn bình)		3.045.455đ
	Sơn lót ngoại thất Weather Guard Seal		18 lít		✓		4.230.909đ
	Sơn lót ngoại thất Supermatex Sealer		17 lít		✓		2.607.273đ
	Bột trét Nippon Exterior Putty		40kg		✓		419.091đ
	Bột trét Nippon Interior Putty		40kg		✓		335.455đ

H. Bền Cầm, ngày 17 tháng 12 năm 2024

GIÁ VÀI LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cầu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Công ty TNHH Công C Bến Cầu
- Địa chỉ: T. 4, Ấp B, Xã Thạnh H. Bến Cầu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0276 382.222 Ch. Nhan
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]



H. Bến Cầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024.

PHIẾU KHẢO SÁT
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh.
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cầu.
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024.
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công Ty TNHH Hải Đăng Khoa.
Địa chỉ: Ấp B, X. Tiên Thuận, H. Bến Cầu, T. Tây Ninh.
Số điện thoại: 0931.536.776 - Chi Kiên.
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cái xây - Loại 1.		m ³		(Giá tại	(Bến Hố)	440.000 ^đ
	Cái xây - Loại 2.		"		bãi)	Miền Tây)	400.000 ^đ
	Đá 4x6 - Loại 1.		"		"	(Mỏ Bình)	400.000 ^đ
	Đá 4x6 - Loại 2.		"		"	Phước - Mỏ	310.000 ^đ
	Đá 1x2 - Loại 1.		"		"	Đông Nai)	450.000 ^đ
	" Loại 2		"		"	"	350.000 ^đ
	" Loại 3		"		"	"	320.000 ^đ
	Đá 0x4		"		"	"	290.000 ^đ
	Đá Mi sàng		"		"	"	290.000 ^đ
	Xi măng Fico		Bao		"		90.000 ^đ
	BTNN - C10	TCVN 13567-1	Tấn		(Giá tại		1.140.000 ^đ
	BTNN - C12.5	"	"		trạm)		1.150.000 ^đ



TT. Bến Cầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VL Tân Phát

Địa chỉ: KPI, TT. Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

Số điện thoại: 0278.387.6715

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch lát nền	50 x 50	m ²		(Ko bao		100.000đ
	"	60 x 60	"		gồm		120.000đ
	Gạch ốp	30 x 60	"		CPVC)		100.000đ
	Dây điện 1.5	Cadivi	Cuộn		"		470.000đ
	" 2.5	"	"		"		765.000đ
	" 3.5	"	"		"		1.030.000đ
	Đá 1 x 2		m ³		"		350.000đ
	" 4 x 6		"		"		350.000đ
	" 0 x 4		"		"		300.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		"		1.000đ
	" 2 lỗ		"		"		1.000đ
	" Mi		"		"		450đ

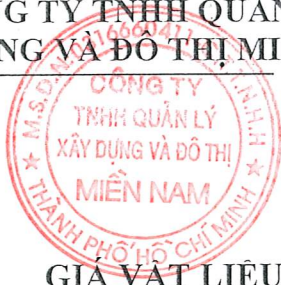
Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Dây điện 4.0	Cadivi	Cuộn		"		1.160.000đ
	" 6.0	"	"		"		1.705.000đ
	" 8.0	"	"		"		2.240.000đ
	" 10.0	"	"		"		2.500.000đ
	Thép $\phi 6 - \phi 8$	Việt - Úc	Kg		"		20.000đ
	" $\phi 10$	"	Cây		"		100.000đ
	" $\phi 12$	"	"		"		130.000đ
	" $\phi 16$	"	"		"		150.000đ
	Tấm cách nhiệt	1m55	m		"		15.000đ
	Bồn cầu 1 nút nhấn	TS 234	Bộ		"		1.000.000đ
	" 2 "	Caxa Sy	"		"		1.200.000đ
	Sơn men sơn nội thất	18l	Thùng		"		700.000đ
	" ngoại thất	18l	"		"		1.000.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỬA HÀNG VLXD TÂN PHÁT
TRIỆU BÍCH TÍM
Khu Phố 1, Thị trấn Bến Cầu, Tây Ninh
MST: 3900102659

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:.....



H. Bến Cầu, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cầu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VL XD Hải Thông
- Địa chỉ: KP1, TT. Bến Cầu, H. Bến Cầu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0918.288.009 - Chì Đai
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ống PVC $\phi 21$	Bình	Cây		(VC		35.000đ
	" $\phi 27$	Minh	"		trong		47.000đ
	" $\phi 34$		"		huyền)		67.000đ
	" $\phi 42$		"		"		85.000đ
	" $\phi 49$		"		"		115.000đ
	" $\phi 60$		"		"		125.000đ
	" $\phi 114$		"		"		380.000đ
	" $\phi 140$		"		"		650.000đ
	" $\phi 200$		"		"		1.290.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		"		1.050đ
	" 2 lỗ		"		"		1.050đ
	Bồn cầu loại Thường		Bộ		"		550.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	La va bo Thường (rời)		Bộ		✓		200.000đ
	Đá 1x2		m ³		✓	(Bãi 6 tầng)	360.000đ
	" 4x6		"		✓	Bãi Hải	360.000đ
	Cát xây		"		✓	Đông Khoa)	480.000đ
	Xi măng Fico		Bao		✓		90.000đ
	" vicom Hạ Long		"		✓		90.000đ
	Ván cốppha gỗ ép	0,15 x 3m	Ván		✓		55.000đ
	"	0,15 x 4m	"		✓		63.000đ
	"	0,2 x 3m	"		✓		72.000đ
	"	0,2 x 4m	"		✓		82.000đ
	Bình chữa cháy	8kg	Bình		✓		380.000đ
	Bệ đứng 2 bình chữa cháy		Cái		✓		90.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đài
Hải An Đài

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại: 0918.289.009...



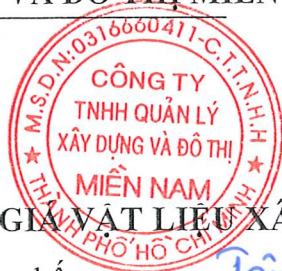
H. DMC, ngày 17 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. DMC
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp/cửa hàng: Cửa hàng VLXD Minh Hoài
- Địa chỉ: DT: 0822477632 Đường Minh Châu, H. DMC, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0822.477.632
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xi măng Fico	PCB40	Bao		(Giá		90.000đ
	Gạch 4 lỗ / 2 lỗ		Viên		tại		1.105đ
	Gạch ngói lợp Ruby	Nhựa	m ²		cửa		16.000đ
	Đá 1x2		m ³		hàng		450.000đ
	" 2x4		"		Ko		420.000đ
	" 0x4		"		gồm		380.000đ
	Bồn cầu Thiên Thành		Bộ		phí		2.400.000đ
	Bồn nước Inox Đại Thành		Cái		VC)		3.800.000đ
	Lavabo Thường		Bộ		"		1.200.000đ
	" Dular		"		"		4.000.000đ
	Thiết bị vệ sinh	Inox	"		"		6.000.000đ
	Vòi rửa		"		"		500.000đ



TT. Gò Dầu, ngày 18 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TT. Gò Dầu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VLXD và TTNT Giang Hiền
- Địa chỉ: Ô1/185 KP. Rạch Sỏi, TT. Gò Dầu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0907.053.348 - Chi. Hiền

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2		m ³	(VC			370.000đ
	" 4 x 6		"	trong			330.000đ
	" 0 x 1		"	phạm			300.000đ
	dưới B40 tổ hợp		Kg	vi khu			25.000đ
	Cát xây		m ³	vực)			400.000đ
	Gạch xây 4 lỗ		Viên	"			1.020đ
	" 2 lỗ		"	"			1.020đ
	" Mi		"	"			500đ
	Xi măng Hà Tiên		Bao	"			86.000đ
	" Fico	PCB 40	"	"			95.000đ
	Dây thép		Kg	"			25.000đ
	Đinh		"	"			20000 - 23.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bồn Toan Mỹ	1m ³	Cối		"		4.000.000đ
	Tôle lớp 35cm	Đồng Á	m				85.000đ
	Thép Việt - Nhật						
	φ 6 - φ 8		Kg		"		17.500đ
	φ 10		Cây		"		122.500đ
	φ 12		"		"		175.000đ
	φ 14		"		"		234.000đ
	Ông PVC φ 21	Bình Minh	Cây		"		36.000đ
	" φ 27	"	"		"		49.500đ
	" φ 34	"	"		"		68.000đ
	" φ 42	"	"		"		86.000đ
	" φ 49	"	"		"		106.000đ
	" φ 60	"	"		"		118.000đ
	Gạch lát nền	30 x 30	m ²		"		130.000đ
	"	30 x 60	"		"		135.000đ
	"	60 x 60	"		"		165.000đ
	"	40 x 40	"		"		140.000đ

VAT 8%

Người cung cấp thông tin

Người thực hiện khảo sát

CỬA HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG (Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIANG HIỀN

ĐC: Ô1/195, KP.Rạch Sơn, TT.Gò Dầu, Tây Ninh

ĐT: 0276.3853769 - 0907.053.348

MST: 3 9 0 0 4 0 5 3 7 1

Số điện thoại:

Nguyễn Thị Hiền



TX Trảng Bàng ngày 18 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TX. Trảng Bàng

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập chủng tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Trần Hà

Địa chỉ: T.Đ. 14, Ấp Tân Lân, P. Tân Lân, TX Trảng Bàng, Tây Ninh

Số điện thoại: 195 838 - Chi. Hạnh

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Xi măng Insee		bao		(Cấp 1)		94.000đ
	Cát xây		m ³		V/chọn		420.000đ
	Đá 1x2		g		≤ 5Km		410.000đ
	g 4x6		g		g		390.000đ
	Gạch 4 lỗ / 2 lỗ		Viên		g		970đ
	g Thép		g		g		970đ
	g Mi		g		g		485đ
	Gạch men	30x60	m ²		g		130.000đ
	g	40x40	g		g		90.000đ
	g	50x50	g		g		120.000đ
	g	60x60	g		g		155.000đ
	Kẽm		Kg		g		23.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	thai 15x15		4		4		19.000+
	4 15x20		4		4		19.000+
	Sắt φ6 - φ8		4		4		18.000+
	4 φ10		4		4		114.000+
	4 φ12		4		4		176.000+
	4 φ14		4		4		240.000+
	4 φ16		4		4		306.000+
	bùn nước Đèo Thành	1000LN	Ca		4		3920.000+
	bùn cần	1m ³	4		4		2780.000+



Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Bích Hạnh
Lê Thị Bích Hạnh

Số điện thoại: 0917.125.838..

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thảo Nga
Trần Thị Thảo Nga



TT. Tân Biên, ngày 19 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TT. Tân Biên

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH MTV TMXD Tân

Địa chỉ: Số 168 Phạm Hùng, Th. 1, KP1, TT. Tân Biên, Tây Ninh

Số điện thoại: 0918 252 252

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:



Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thép Φ6-Φ8	Viet-Nhat Ky			(Gian vận chuyển)		17.000đ
	9 Φ10	9	Cây		chuyển		117.345đ
	4 Φ12	9	9		TT. Tân Biên		168.670đ
	4 Φ14	9	9		9		228.905đ
	4 Φ16	7	9		9		298.710đ
	4 Φ18	9	9		9		378.425đ
	Xi măng fico		bao		4		85.000đ
	4 Insee		9		7		85.000đ
	4 Poker		9		9		83.000đ
	Cát xây		m ³		4	(Việt - Úc)	340.000đ
	Cát lấp		4		9	9	270.000đ
	Granh 30 (nước)		m ²		9		100.000đ - 150.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch 4 lỗ		Viên		4		900đ
	4 2 lỗ		4		4		900đ
	4 Mi		4		4		450đ
	Gạch lát nền men	50x50	m ²		4		80.000đ - 120.000đ
	4	60x60	4		4		140.000đ - 260.000đ
	Gạch ốp men	30x60	4		4		120.000đ - 180.000đ
	4	40x40	4		4		70.000đ - 120.000đ
	Đ/ 1x2		m ³		1	(Mở hình	470.000đ
	4 4x6		4		4	Phụ 2)	420.000đ
	4 0x4		4		1	4	400.000đ
	Đ/ 1x2		4		4	(Đại học	390.000đ
	4 4x6		4		4	hà xã Lan	370.000đ
	4 0x4		4		4	lâm học)	300.000đ
	Bùn cần rở		hò		4		650.000đ - 1.200.000đ
	Bùn cần rở 1m ³		4		4		1.500.000đ - 2.000.000đ
	Lavabo		4		4		600.000đ



Số điện thoại:.....

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ

H. Tân Biên, ngày 19 tháng 12 năm 2024

GIA VẬT LIÊU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Số điện thoại: 076. 505. 5453 - Chi Hường

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]

CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ T

H. Tân Biên, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

3. Kỳ khảo sát: Tháng 12 / 2024

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH XNK Tân Hưng Cường

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, X. Tân Lập, H. Tân Biên, Tây Ninh

Số điện thoại: 0976.666.669 - Anh Cường

[illegible]



TT. Tân Bình, ngày 19 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TT. Tân Bình
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa Hàng VLXD An Nguyễn
- Địa chỉ: Đường tỉnh 795, Thạnh Bình, Tân Bình, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0913.892.328, Kim Tiến
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2		m ³		(Không)	(Mỏ Bình Phước)	420.000đ
	1 4x6		đ		gồm phí vận chuyển		370.000đ
	9 0x4		đ			đ	350.000đ
	9 Mi		đ		đ	đ	420.000đ
	Xi măng Ince		Bao		đ		90.000đ
	đ Azo		đ		đ		90.000đ
	Cát xây		m ³		đ	(Nhiệt độ)	380.000đ
	Cát long		đ		đ	đ	270.000đ
	Gạch A lô		Viên		đ		1050đ
	đ 2 lỗ		đ		đ		1050đ
	đ mi		đ		đ		600đ
	Bồn cầu lặn		Bao		đ		900.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Lau chùi không rỉ		4		4		220.000đ
	Cống PVC Ø21		Cây		4		35.000đ
	4 Ø27		4		4		44.000đ
	4 Ø34		4		4		64.000đ
	4 Ø42		4		4		78.000đ
	4 Ø49		4		4		106.000đ
	4 Ø60		4		4		119.000đ
	4 Ø90		4		4		245.000đ
	4 Ø114		4		4		370.000đ
	4 Ø140		4		4		618.000đ
	Que hàn 2.5		Hộp		4		75.000đ
	4 3.2		4		4		135.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại: 0913.892.328.





T.T. Tân Châu, ngày 19 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TT Tân Châu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Minh Vũ
Địa chỉ: 192A, D. Lê Duẩn, P. Tân Tân, T. Tân Tân, T. Tân Tân, Tây Ninh
Số điện thoại: 0908.385.692 - Ch. Tân
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch 4 lỗ		Viên		(Không		980đ
	4 2 lỗ		9		gồm phí		980đ
	4 Mi		9		V/chuyển)		475đ
	Xi măng Fico		Bao		9		89.000đ
	Cát xây		m ³		9		330.000đ
	Đá 1x2		m ³		9		420.000đ
	4 4x6		9		9		370.000đ
	4 0x4		9		9		370.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		9		980đ
	4 2 lỗ		9		9		980đ
	4 Mi		9		9		475đ
	Lavabo		Bộ		9		1.500.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bồn cầu 1m ³		4		4		3.000.000đ
	Bồn cầu 1m ³ rời		4		4		1.500.000đ
	Vòi sen nóng lạnh		4		4		2842.000đ
	Vòi lavabo nóng lạnh		4		4		1.650.000đ
	Sen thủy lực		4		4		3.627.000đ
	Củ sen nóng lạnh		4		4		2.250.000đ
	Thép φ6- φ8	Nhật	Kg		4		17.000đ
	4 φ10	4	Cây		4		118.800đ
	1 φ12	4	4		4		169.500đ
	4 φ14	4	4		4		231.100đ
	4 φ16	4	4		4		301.950đ
	4 φ18	4	4		4		381.800đ
	4 φ20	4	4		4		471.400đ
	Móc treo 6 món		hộp		4		842.000đ - 1.000.000đ
	Kệ kính		4		4		123.000đ - 200.000đ
	Kệ gỗ		1		4		400.000đ - 480.000đ
	Chổi lấy rác		1		4		222.000đ - 455.000đ

VLXD MINH
MST: 8360116863
 ĐC: 1924, D.Lê Duẩn, Kp3, Thị trấn Tân Châu, TN

Người cung cấp thông tin
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Toàn

Người thực hiện khảo sát
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Anh Tuấn

Số điện thoại:.....



TT. Tân Châu, ngày 19 tháng 12 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TT. Tân Châu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 12/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VLXD Phú Di
- Địa chỉ: KP1, TT. Tân Châu
- Số điện thoại: 0949.069.225
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:



Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	ống PVC Ø21		Cây		(Không		35.000đ
	4 Ø27		1		gắn ph		45.000đ
	4 Ø34		1		Y/chuyển)		58.000đ
	4 Ø80		4		4		120.000đ
	4 Ø90		4		4		180.000đ
	1 Ø118		1		4		240.000đ
	Xi măng tre		Bao		4		90.000đ
	4 đai băng		4		4		80.000đ
	Gạch ốp 50x50		m ²		4		120.000đ
	4 40x40		4		4		100.000đ
	4 60x60		4		4		140.000đ
	Gạch vỉa hè		4		4		70.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	trạch 4 lỗ		Viên		4		1.000đ
	4 2 lỗ		4		4		1.000đ
	4 Mi		4		4		700đ
	tr' 1x2		m ³		4		500.000đ
	4 4x6		4		4		450.000đ
	Sơn Muns	18l	Thùng		4		750.000đ
	Sơn shield kate	18l	4		4		650.000đ
	Củ bằm	L7/27	Cây		4		16.000đ
	4	L7/37	4		4		24.000đ
	4	L7/45	4		4		27.000đ
	Ván ép Coppah	20x3m	Tấm		4		66.000đ
	4	25x3m	4		1		79.000đ
	Bồn cầu Thiên Thanh		Bô		4		4800.000đ
	Bồn cầu 1m ³	Thiên Thanh	4		4		3.500.000đ
	Lavabo Thiên Thanh		4		4		900.000đ

VAT 10%

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHƯỚC TRI
Khu Phố I-Thị Trấn Tân Châu
MST: 3900311959



Người thực hiện khảo sát

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Ngọc Phước Tri

Số điện thoại:.....



**THÔNG BÁO GIÁ ĐỊNH HƯỚNG
NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX**

(Chỉ áp dụng với các mặt hàng do Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex cung cấp)

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex xin thông báo Giá định hướng nhựa đường 60/70, nhựa đường nhũ tương, nhựa đường lỏng (MC), nhựa đường Polime mang thương hiệu “Nhựa đường Petrolimex” có hiệu lực từ 01/12/2024 đến khi có thông báo mới, cụ thể như sau:

1. Giá định hướng (Chưa có thuế VAT)

Đơn vị tính: Đồng/kg

Loại nhựa đường - Xá	Thương Lý	Cửa Lò	Thọ Quang	Quy Nhơn	Cam Ranh	Nhà Bè	Trà Nóc
Nhựa đường 60/70 - Xá	14.800	15.000	14.600	14.700	14.800	14.600	14.600
Nhựa đường nhũ tương CRS1 - xá	11.500	11.600	11.300	11.400	11.400	11.300	11.300
Nhựa đường nhũ tương CSS1 - xá	13.000	13.100	12.800	12.900	12.900	12.800	12.800
Nhũ tương gốc Axit 60% - xá	12.000	12.100	11.800	11.900	11.900	11.800	11.800
Nhựa đường nhũ tương CRS-2 - xá	13.000	13.100	12.800	12.900	12.900	12.800	12.800
Nhựa đường polime PMB 1 - xá	18.900	19.100	18.700			18.400	
Nhựa đường polime PMB 3 - xá	19.200	19.400	19.000			18.700	
Nhựa đường lỏng MC70 - xá	19.700	20.100	19.700	19.800	19.700	19.100	19.100
Loại nhựa đường - Phuy							
Nhựa đường 60/70 - Phuy	16.600	17.300	16.700	16.800	17.100	16.400	16.450
Nhựa đường nhũ tương CRS1 - phuy	14.000	14.100	13.800	13.900	13.900	13.800	13.800
Nhựa đường nhũ tương CSS1 - phuy	15.500	15.600	15.300	15.400	15.400	15.300	15.300
Nhựa đường nhũ tương CRS-2 - Phuy	15.500	15.600	15.300	15.400	15.400	15.300	15.300
Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	22.200	22.600	22.200	22.300	22.200	21.600	21.600

Lưu ý: Giá trên chỉ mang tính chất tham khảo tại các điểm Nhà máy, chưa bao gồm các chi phí vận chuyển, phun tưới.

2. Giá bán thực tế.

Quý khách hàng liên hệ theo thông tin dưới đây để nhận được báo giá cụ thể:

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – Tel: 84.24.38513206

Chi nhánh Nhựa đường Hải Phòng – Tel: 84.225.3540580

Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng – Tel: 84.236.3932889

Chi nhánh Nhựa đường Bình Định – Tel: 84.256.3984259

Chi nhánh Nhựa đường Sài Gòn – Tel: 84.28.38221504

Chi nhánh Nhựa đường Cần Thơ – Tel: 84.292.3761092

Trân trọng kính báo!



CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

Tầng 19, số 229 Phố Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam - T: (84-24) 3851 3206 - F: (84-24) 3851 3209 - W: www.plc.petrolimex.com.vn

BẢNG GIÁ BÁN TBVS VIGLACERA
(Áp dụng cho Cửa hàng VLXD khu vực miền Nam từ ngày 27/02/2024)

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
I	BỆT THÔNG MINH			
1	V91	Bê tông thông minh Nano Titan, PK đồng bộ	Bộ	34,480,000
II	BỆT KẾT LIỀN GIÁ TRỊ CAO			
1	V62 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
2	V63 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
3	V64 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,980,000
4	V65 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
5	V68 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,950,000
6	V199 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,880,000
7	V808 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,960,000
III	BỆT KẾT LIỀN			
1	BL5 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,570,000
2	BL5V + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,720,000
3	V819 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,670,000
4	V809 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,810,000
5	MK2 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,950,000
6	V35M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,790,000
7	V36 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,370,000
8	V37M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,810,000
9	V38M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,180,000
10	V39 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,750,000
11	V39M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,920,000
12	V42 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,730,000
13	V45M + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,420,000
14	V72 (V700) + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,390,000
15	V848 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,520,000
16	V811 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,090,000
17	HL2 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,990,000
18	V816 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,790,000
19	V817 + VG826 + VG853 (nắp V86)	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,910,000
20	V817 + VG826 + VG853 (nắp V867)	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,730,000
IV	BỆT GIẢ KHỐI, BỆT TRẺ EM			
1	VII07	Bê tông giả khối xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,130,000
2	VI6	Bê tông giả khối xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,340,000

■ Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
 ■ Tel: +84.24.3553 7646 ■ Fax: +84.24.3553 7648 ■ Hotline: +84-1900989829
 ■ Văn phòng 2: Khu đô thị Sala, Số nhà 34-36 Nguyễn Cơ Thạch, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM
 ■ Tel: + 84.28.6660 2688 ■

admin@viglacera trading.vn
 www.viglacera trading.vn

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
3	BTE	Bệt trẻ em xà 1 nhẵn, nắp BTE	Bộ	1,570,000
V	BỆT KẾT RỜI NẮP ÊM			
1	VI66, VI88 + VG829 + SPP (V116)	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp êm V116 + xít VG829 + SPP	Bộ	1,840,000
2	VT18M, VT34 +VG829 + SPP (V116)	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp êm V116 + xít VG829 + SPP	Bộ	1,840,000
3	VI66, VI88 + VG829 + SPP (V1102E)	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp êm V1102E + xít VG829 + SPP	Bộ	1,820,000
4	VT18M, VT34 +VG829 + SPP (V1102E)	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp êm V1102E + xít VG829 + SPP	Bộ	1,820,000
V	BỆT KẾT RỜI NẮP THƯỜNG			
1	VI66, VI88 + SPP	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp thường + SPP	Bộ	1,530,000
2	VT18M, VT34 + SPP	Bệt kết rời xà 2 nhẵn, nắp thường + SPP	Bộ	1,530,000
3	VI77 + SPP	Bệt kết rời xà 1 nhẵn, nắp thường + SPP	Bộ	1,500,000
4	VI44 + SPP	Bệt kết rời xà gọt, nắp thường + SPP	Bộ	1,500,000
VI	CHẬU RỬA			
1	VTL2, VTL3, VTL3N	Chậu treo tường (BB, giá hoặc ốc vít)	Cái	400,000
2	V511	Chậu treo tường (BB, giá hoặc ốc vít)	Cái	460,000
3	BS418	Chậu trẻ em (BB)	Cái	290,000
4	CA2	Chậu âm bàn (Nano Titan, BB, giá đỡ chậu)	Cái	1,040,000
5	CD1, CD12	Chậu dương vành (Nano Titan, BB)	Cái	760,000
6	CD6	Chậu bán dương bàn (Nano Titan, BB)	Cái	760,000
7	CD15, CD19	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,160,000
8	CD20	Chậu bán dương bàn (Nano Titan, BB)	Cái	940,000
9	CD21	Chậu dương vành (Nano Titan, BB)	Cái	1,030,000
10	V24, V25, V26, V27, V28, V29, V72, CD16, CD17	Chậu bán dương bàn, đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	910,000
11	V42M	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,160,000
12	BS415	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,170,000
13	Chậu + chân V58 (CD58)	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,270,000
	- Chậu V58 (CD58)	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	900,000
	- Chân V58 (CD58)	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	470,000
14	Chậu + chân V50 (CD50)	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,160,000
	- Chậu V50 (CD50)	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	800,000
	- Chân V50 (CD50)	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	470,000
15	Chậu + chân V23	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V23	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	700,000
	- Chân V23	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
16	Chậu + chân VI5	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,030,000
	- Chậu VI5	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	700,000
	- Chân VI5	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
17	Chậu + chân V39	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V39	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	620,000
	- Chân V39	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
18	Chậu + chân V36	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V36	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	620,000
	- Chân V36	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
19	Chậu + chân V37	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,070,000
	- Chậu V37	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	740,000
	- Chân V37	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	410,000
20	V63, V64	Chậu liền chân treo tường (Nano Titan, BB)	Cái	900,000
21	CB68 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	5,030,000
	- CB68	Chậu bàn	Cái	2,230,000
	- TC68	Tủ chậu	Cái	2,820,000
22	CB69 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	5,270,000
	- CB69	Chậu bàn	Cái	2,380,000
	- TC69	Tủ chậu	Cái	2,830,000
23	CB70 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	3,210,000
	- CB70	Chậu bàn	Cái	1,480,000
	- TC70	Tủ chậu	Cái	1,740,000
24	CM01	Chậu đặt bàn (BB)	Cái	2,230,000
25	CM02	Chậu đặt bàn (BB)	Cái	1,310,000
VII	TIỂU NAM, TIỂU NỮ			
1	TT1 (BS601)	Tiểu nam treo tường (Bộ vít nở, BB)	Cái	400,000
2	TT5, TV5	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,010,000
3	T1	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,420,000
4	T6 (Cấp dương)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	2,130,000
5	T6 (Cấp âm)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	2,240,000
6	T9 (Cấp dương)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,620,000
7	T9 (Cấp âm)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,840,000
8	BS604	Tiểu nam đứng (Nano Titan, BB, PK)	Cái	4,940,000
9	TD4	Tiểu nam đứng (Nano Titan, BB, PK cầm ứng)	Cái	8,520,000
10	VB3, VB5	Tiểu nữ (BB)	Cái	810,000
VIII	SẢN PHẨM KHÁC			
1	VII T, BS502, BS503	Chân chậu (BB)	Cái	400,000
2	PK S01	Phụ kiện sứ	Cái	900,000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm VAT



T/L. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Mai Công Chính

BẢNG GIÁ BÁN SEN VÒI VIGLACERA
(Áp dụng cho Cửa hàng VLXD khu vực miền Nam từ ngày 27/02/2024)

STT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	GIÁ BÁN
I	SẢN PHẨM VÒI - SEN CÂY		
1	VG105	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,290,000
2	VG581	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	4,540,000
3	VG112	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,490,000
4	VG583	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	6,510,000
5	VG143	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,650,000
6	VG143.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	2,250,000
7	VG593	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	6,260,000
8	VG125	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,830,000
9	VG126	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,890,000
10	VG511.1	Sen ghép nóng lạnh có vòi	3,970,000
11	VG515.1	Sen ghép nóng lạnh có vòi	3,960,000
12	VG594	Sen cây lạnh	1,940,000
13	VG596	Sen cây nóng lạnh không vòi 2 bát sen	4,400,000
14	VG597	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	5,310,000
15	VG598	Sen cây nóng lạnh nhiệt độ	6,730,000
II	SẢN PHẨM VÒI - SEN THANH TRƯỢT		
1	VG141	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,480,000
2	VG141.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	1,830,000
3	VG541	Sen tắm nóng lạnh dây sen nhựa	2,540,000
4	VG541.1	Sen tắm nóng lạnh có thanh trượt (dây sen nhựa)	3,780,000
5	VG142	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,600,000
6	VG142.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	2,360,000
III	SẢN PHẨM VÒI VÀ XẢ TIỂU CẢM ỨNG		
1	VG1023	Vòi cảm ứng 1 lỗ nóng lạnh dùng pin	5,420,000
2	VG1028	Vòi cảm ứng 1 lỗ lạnh dùng pin	4,470,000
3	VG1028.1	Vòi cảm ứng 1 lỗ nóng lạnh dùng pin	4,710,000
4	VG842	Bộ xả tiểu cảm ứng dương tường dùng pin	2,820,000
5	VG843, VG843.1	Bộ xả tiểu cảm ứng âm tường dùng pin	3,360,000
6	VG846	Bộ xả tiểu cảm ứng dương tường dùng pin	3,530,000
IV	SẢN PHẨM VÒI - SEN TẮM PHỔ THÔNG		
1	VG102	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	860,000
2	VG302	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,180,000
3	VG502, VG502.2	Sen tắm nóng lạnh	1,460,000
4	VG104	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	900,000



5	VG504	Sen tắm nóng lạnh	1,670,000
6	VG168	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,070,000
7	VG368	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,290,000
8	VG568	Sen tắm nóng lạnh	1,780,000
9	VG114	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,030,000
10	VG514	Sen tắm nóng lạnh	1,510,000
11	VG111	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,190,000
12	VG511	Sen tắm nóng lạnh	1,890,000
13	VG315	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,290,000
14	VG515	Sen tắm nóng lạnh	1,780,000
15	VG132	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	880,000
16	VG132.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	1,590,000
17	VG132.2	Vòi chậu 1 lỗ lạnh	750,000
18	VG332	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,160,000
19	VG532	Sen tắm nóng lạnh	1,510,000
20	VG532.1	Sen tắm cây ghép nóng lạnh	4,120,000
V SẢN PHẨM VÒI RỬA BÁT			
1	VG701	Vòi rửa bát gắn tường nóng lạnh	1,180,000
2	VG712	Vòi rửa bát gắn tường cần mềm nóng lạnh	1,390,000
3	VG713	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh (tích hợp đầu cấp nước RO)	2,410,000
4	VG714	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,000,000
5	VG731	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,360,000
6	VG743	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,790,000
7	VG768	Vòi rửa bát nóng lạnh VG768	2,530,000
8	VG705	Vòi rửa bát gắn chậu 1 đường lạnh cần mềm	600,000
9	VG707	Vòi rửa bát gắn chậu 1 đường lạnh	600,000
VI SẢN PHẨM KHÁC			
1	VG103	Vòi chậu 1 đường lạnh	620,000
2	VG106	Vòi chậu 1 đường lạnh	620,000
3	VG107	Vòi chậu 1 đường lạnh	460,000
4	VG108	Vòi chậu xả trễ 1 đường lạnh	420,000
5	VG109	Sen tắm 1 đường lạnh	730,000
6	VG503	Sen tắm 1 đường lạnh	760,000
7	VG508	Vòi chậu 3 lỗ liền sen nóng lạnh	620,000
8	VG326	Vòi tiểu nữ nóng lạnh	1,520,000
9	VG101	Vòi xịt đồng mạ crom dây nhựa	950,000
10	VG826	Vòi xịt nhựa	180,000
11	VG829	Vòi xịt nhựa	180,000
12	VG110	Vòi máy giặt (Vòi hồ)	250,000
13	VG813	Syphon lật 1	490,000
14	VG814	Syphon lật 2	390,000
15	VG815	Syphon chậu kính	960,000
16	VG817.1	Syphon (Cụm xả bằng Inox, đuôi nhựa ABS)	170,000
17	VG817.2	Syphon (Cụm xả bằng đồng, đuôi nhựa ABS)	210,000
18	VG811	Syphon cần giặt	510,000
19	VG831, VG832, VG833	Gương phòng tắm (500x700x5)	400,000
20	VG834	Gương phòng tắm (450x600x5)	320,000
21	VG835	Gương phòng tắm (600x900x5)	550,000

22	VG841, VG841.1	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp	780,000
23	VG845, VG845.1	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp	780,000
24	VG851, VG853	Van chia nước, van giảm áp bằng đồng mạ Crôm	110,000
VII PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ VÀ CHI TIẾT TỪNG MÓN			
1	VG92	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng đồng mạ Crôm (5 món)	1,270,000
1.1	VG924	- Đĩa đựng xà phòng	140,000
1.2	VG9261	- Cốc đơn	300,000
1.3	VG9211	- Hộp đựng giấy	190,000
1.4	VG922	- Gá kính	400,000
1.5	VG9231	- Vắt khăn đơn	330,000
2	VG95	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng đồng mạ Crôm (6 món)	1,930,000
2.1	VG9562	- Cốc đơn	400,000
2.2	VG954	- Đĩa đựng xà phòng	240,000
2.3	VG9552	- Móc treo khăn	210,000
2.4	VG9511	- Hộp đựng giấy	260,000
2.5	VG952	- Gá kính	470,000
2.6	VG9531	- Vắt khăn đơn	500,000
3	VG98	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng INOX 304 (5 món)	630,000
4	VG9632	Vắt khăn đôi	1,150,000
5	VG9612	Móc treo giấy đôi	710,000
6	VG9652	Móc treo áo đôi	320,000
7	VG967	Vắt khăn giàn	3,710,000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm VAT



T/L. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Mai Công Chính

**DNTN TRẠM XĂNG DẦU
KIM THỦY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
--- o0o ---

Số: 01/2024-KKGVLXD

V/v kê khai giá sản phẩm, hàng
hóa do đơn vị khai thác, sản xuất
định kỳ tại Sở Xây dựng

Tây Ninh, ngày 22 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi: - Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh;
- Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.**

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Thực hiện Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh Bổ sung danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc đối tượng thực hiện kê khai giá đối với các mặt hàng: Vật liệu san lấp, đá, cát xây dựng.

Doanh nghiệp tư nhân trạm xăng dầu Kim Thủy thực hiện kê khai giá sản phẩm, hàng hóa do đơn vị khai thác, sản xuất định kỳ tại Sở Tài chính, Sở Xây dựng (đính kèm).

Mức giá này áp dụng từ ngày 22/07/2024 đến khi có thông báo mới.

Khi có thay đổi về giá và các thông tin có liên quan, đơn vị sẽ có văn bản báo cáo về Sở Tài chính, Sở Xây dựng theo quy định.

Doanh nghiệp tư nhân trạm xăng dầu Kim Thủy xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Hùng

Phụ lục

DNTN TRẠM XĂNG DẦU
KIM THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
— o0o —

Tây Ninh, ngày 22 tháng 07 năm 2024

BẢNG GIÁ CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA VLXD
(Kèm theo văn bản số 01/2024-KKGVLXD ngày 22 tháng 07 năm 2024)

1. Bảng giá cụ thể:

Đvt: đồng							
STT	Tên hàng hóa, chủng loại vật liệu (ghi rõ tên)	Quy cách, chất lượng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá (chưa VAT)	Giá (đã bao gồm VAT)	Địa điểm giao hàng	Ghi chú
1	Đất (nguyên khai)		M3	66.000	72.600	Tại hầm (không bao gồm các chi phí khai thác khác)	VAT 10%
2	Sỏi		M3	170.000	187.000	Tại hầm (không bao gồm các chi phí khai thác khác)	VAT 10%

2. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

NHÀ MÁY TÔN THÉP Việt Nhật Tây Ninh

ĐT : 0868 915 925 - 0909 915 925 - 0777 56 5678

ĐỊA CHỈ : tổ 16, khu phố lộc trác, phường gia lộc, thị xã trảng bàng

Bảng Báo Giá Tôn

Từ ngày 15-05-2024

STT	Tôn mạ màu (T)	kg	Đơn Giá	stt	Lạnh trắng (T)	kg	Đơn Giá
1	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.30	2.1	53,000	1	Tôn lạnh trắng 0.30	2.2	62,000
2	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.35	2.3	59,000	2	Tôn lạnh trắng 0.35	2.7	-
3	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.40	2.7	68,000	3	Tôn lạnh trắng 0.40	3.3	-
4	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.45	3.2	74,000	4	Tôn lạnh trắng 0.45	3.6	92,000
5	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.50	3.8	88,000	5	Tôn lạnh trắng 0.50	4.4	102,000
TÔN ĐỒNG Á & TÔN NAM KIM							
CÁC MÀU				Lạnh trắng			
1	Tôn đồng á xanh ngọc 0.30	2.45	75,000	1	Tôn L trắng nam kim 0.25	2	58,000
2	Tôn đồng á xanh ngọc 0.40	3.33	99,000	2	Tôn L trắng nam kim 0.45	3.81	94,000
3	Tôn đồng á xanh ngọc 0.45	3.77	109,000	3	Tôn NAM KIM xanh ngọc 0.45	3.77	103,000
4	Tôn đồng á xanh ngọc 0.50	4.33	-	4	Tôn NAM KIM xanh ngọc 0.50	4.33	113,000
5	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.40	3.33	99,000	5	T ĐÁ lạnh trắng 0.30	2.5	65,000
6	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.45	3.77	109,000	6	T ĐÁ lạnh trắng 0.35	2.9	75,000
7	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.40	3.33	-	7	T ĐÁ lạnh trắng 0.40	3.4	93,000
8	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.45	3.77	110,000	8	TĐÁ Xdương tím 0.45	3.77	109,000
TÔN HOA SEN							
CÁC MÀU				Lạnh trắng			
1	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.40	3.4	105,000	1	Tôn HS lạnh trắng 0.45	4	105,000
2	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.45	4	116,000	2	Tôn HS lạnh trắng 0.57	5.2	115,000
3	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.50	4.4	128,000	3	Tôn HS lạnh trắng 0.60	6	125,000
4	Tôn HS màu xám lông chuột 0.40	3.4	102,000	4	Tôn HS nâu đất 0.40	3.4	108,000
5	Tôn HS màu xám lông chuột 0.45	4	112,000	5	Tôn HS ĐỎ ĐẬM 0.40	3.4	112,000
6	Tôn HS màu xám lông chuột 0.50	4.4	123,000	6	Tôn HS ĐỎ ĐẬM 0.45	3.9	123,000
7	Tôn HOA SEN màu trắng sữa 0.50	4.4	129,000	7	TÔN HOA SEN xdtim 0.35	3	92,000
Tôn sóng ngói RUBY hữu dụng 900mm							
Tôn Đồng Á				TÔN HOA SEN			
1	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.40		109,000	1	Tôn HS xám lông chuột 0.40		109,000
2	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.45		119,000	2	Tôn HS xám lông chuột 0.45		123,000
3	TÔN ĐÁ xanh ngọc 0.50		129,000	3	Tôn HS xám lông chuột 0.50		135,000
4	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.40			4	Tôn HS màu Nâu Đất 0.40		116,000
5	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.45		119,000	5	Tôn HS màu ĐỎ Đậm 0.45		136,000
6	TÔN ĐÁ xanh dương tím 0.45		119,000	6	Tôn HS xanh dương tím 0.45		133,000

- * dung sai cộng trừ cho phép 3-5 %, giá đã bao gồm 10% thuế VAT - chiết khấu 1.5%
- * Công uốn vòm 1.000đ/1 mét. uốn vòm cong đều hết tấm 3.000đ/ 1 mét , xẻ chấn dập 1.000đ/ đường.
- * Tôn uốn vòm dài trên 8m giá gia công 2.000/m và ko dài quá 11m , dài hơn tự vận chuyển
- * giá & hàng tồn có thể thay đổi theo thời điểm và số lượng đơn hàng, liên hệ thương lượng trước khi đặt !

Dây điện CADIVI (Giá đã chiết khấu)

Dây 2 x 16 CDV (Vcmd 2x0.5)	2.2kg/c	368,000
Dây 2 x 24 CDV (Vcmd 2x0.75)	2.8kg/c	520,000
Dây 2 x 32 CDV (Vcmd 2x1.0)	3.3kg/c	666,000
Dây 2 x 30 CDV (Vcmd 2x1.5)	4.4kg/c	949,000
Dây 2 x 50 CDV (Vcmd 2x2.5)	6.6kg/c	1,538,000
Dây 1.0 CDV (CV 1.0)	1.7kg/c	360,000
Dây 1.25 CDV (CV 1.25)	1.8kg/c	382,000
Dây 1.5 CDV (CV 1.5)	2.2kg/c	494,000
Dây 2.0 CDV (CV 2.0)	2.7kg/c	640,000
Dây 2.5 CDV (CV 2.5)	3.3kg/c	805,000
Dây 3.5 CDV (CV 3.5)	4.3kg/c	1,082,000
Dây 4.0 CDV (CV 4.0)	5.2kg/c	1,218,000
Dây 6.0 CDV (CV 6.0)	7.3kg/c	1,787,000
Dây 8.0 CDV (CV 8.0)	9.8kg/c	2,400,000
Dây 10 CDV (CV 10)	11.5kg/c	2,960,000
Cáp 16 CDV (CV 16)	mét	
Cáp 25 CDV (CV 25)	mét	
Dây Te 1.5 CDV	cuộn	494,000
Dây Te 2.5 CDV	cuộn	805,000
Dây Te 3.5 CDV giá KM	cuộn	800,000
Dây Te 4.0 CDV	cuộn	1,218,000
Dây Te 6.0 CDV	cuộn	1,787,000



Áp dụng đến khi có giá mới. **Giá có thể thay đổi mà không kịp báo trước**
Rất hân hạnh được phục vụ quý khách.



Hiệp Tân, TX. Hòa Thành, Tây Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO GIÁ

NƠI NHẬN BÁO GIÁ	Thông báo giá
Người nhận: Quý khách hàng	Ngày báo giá : 15/12/2024 ĐT liên hệ: 0898.994.120

Cửa hàng thạch cao Tây Ninh – 24h chuyên cung cấp các loại vật liệu tấm trần thạch cao, khung trần,... Cảm ơn quý khách hàng đã tin tưởng và sử dụng các sản phẩm của cửa hàng. Cửa hàng chúng tôi xin báo giá cung cấp vật tư như sau:

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ HIỆN TẠI
	KHUNG TRẦN VẠY PHÁT HƯNG		
1	VPH T3.6 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	39.900
2	VPH T1.2 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	13.500
3	VPH T0.6 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	7.000
4	VPH T3.6 (Doxi Line)	Thanh	34.500
5	VPH T1.2 (Doxi Line)	Thanh	10.900
6	VPH T0.6 (Doxi Line)	Thanh	5.700
	TẤM TRẦN NỔI VĨNH TUỜNG		
7	Tấm Duraflex in hoa văn 3mm	Tấm	30.500
8	Tấm Duraflex sơn trắng 3mm	Tấm	28.500
9	Tấm Ánh Kim 3mm	Tấm	46.000
	KHUNG TRẦN NỔI VĨNH TUỜNG		
10	VT-SMARTLINE T3.6	Thanh	67.900
11	VT-SMARTLINE T1.2	Thanh	22.500
12	VT-SMARTLINE T0.6	Thanh	11.800

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ HIỆN TẠI
13	VT-FINELINE T3.6	Thanh	57.200
14	VT-FINELINE T1.2	Thanh	16.900
15	VT-FINELINE T0.6	Thanh	8.900
16	VT-V nổi	Thanh	30.800
	KHUNG TRẦN CHÌM VĨNH TUỜNG		
17	VT-U ALPHA	Thanh	48.200
18	VT-U TIKA	Thanh	37.200
19	VT-V chìm	Thanh	21.200

Ghi chú :

- Đơn giá trên chưa VAT, áp dụng từ ngày 15/12/2024;
- Giao hàng tại kho hàng.

Rất mong được hợp tác cùng Quý khách hàng !

**CỬA HÀNG TRẦN THẠCH CAO TÂY NINH
TRẦN 24H**